

Bản án số: 11/2023/HS-PT
Ngày: 16-01-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Trần Hữu Vinh

Bà Đỗ Thị Thúy Năng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Linh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lương Hồng Minh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 116/2022/TLPT-HS ngày 13 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo Trần Thu H và đồng phạm do có kháng cáo của bị cáo Trần Thị Thu T, Trần Thu H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2022/HS-ST ngày 23 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Thị Thu T, sinh ngày 02/3/1974 tại Quảng Nam; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 461 đường H, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng; chỗ ở: 76 đường H, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần T (đã chết) và bà Đặng Thị H (đã chết); có chồng là Nguyễn Trịnh H và có 02 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 22/9/2021 đến ngày 17/02/2022 được tại ngoại, có mặt.

2. Trần Thu H, sinh ngày 01/11/1971 tại Quảng Nam; nơi đăng ký thường trú: K18/19 đường T, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng; tạm trú: 17 Phước T, phường P, quận S, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: kinh doanh; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần T1

(c) và bà Vũ Thị S; bị cáo có 03 con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/7/2021 đến ngày 01/10/2021 được tại ngoại, có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị Thu T:

1. Ông Nguyễn Thanh Sang, Luật sư của Công ty luật TNHH MTV Tân Hưng Thịnh, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. Bà Phan Thị Kim Tiến, Luật sư của Văn phòng luật sư A&A Phan Tiến, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H Nội. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Trần Thị Thu T, Trần Thu H, Nguyễn Thị Tố N: Từ đầu năm 2019, Trần Thị Thu T cho Đào Thị Như L vay tiền. T cho L vay nhiều khoản, từ 14.000.000.000 đồng đến 46.500.000.000 đồng với lãi suất từ 0.3% - 0.4%/ 01 ngày. Đến đầu tháng 4/2020, L không có tiền trả lãi nên T đã bàn bạc với Trần Thu H về việc T đưa tiền cho H để cho L vay với lãi suất 1%/ngày. Đồng thời, T giả vờ giới thiệu và đứng ra bảo đảm để L được vay tiền của Trần Thu H. Mục đích là để T vừa được hưởng tiền lãi 0.3-0.4%/ngày đối với khoản tiền L đang vay T và tiền lãi 1%/ngày đối với các khoản tiền T đưa cho H để cho L vay. Sau đó, Trần Thu H đã góp vốn và rủ Nguyễn Thị Tố N cùng góp tiền để cho L vay với lãi suất 1%/ngày.

Trần Thị Thu T sử dụng tài khoản ngân hàng Techcombank, số 19034164381016, Trần Thu H sử dụng tài khoản ngân hàng Techcombank số 19034164758012, Nguyễn Thị Tố N sử dụng tài khoản ngân hàng Techcombank số 10420152270019 để giao dịch cho vay, trả lãi qua lại với Trần Thu H. Đào Thị Như L sử dụng tài khoản ngân hàng Vietcombank số 1001000797979 và tài khoản ngân hàng Techcombank số 1913452564017 (tài khoản này đứng tên Phan Văn N, sinh năm 1991, trú tại thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam – là nhân viên của L) để giao dịch nhận tiền vay, trả lãi cho Trần Thu H. T, H và L sử dụng điện thoại di động, thông qua tin nhắn sms, ứng dụng zalo để nhắn tin, trao đổi về việc vay mượn tiền, trả lãi.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã chứng minh được như sau:

1. Khoản vay 5.000.000.000 đồng:

a) Ngày 23/4/2020, T đưa cho H 4.800.000.000 đồng, H góp thêm 200.000.000 đồng để cho L vay tổng cộng 5.000.000.000 đồng. Lúc cho vay, H trừ trước tiền lãi của 06 ngày, từ 23/4/2020 đến 28/4/2020 là 300.000.000 đồng, số tiền thực tế L nhận là 4.700.000.000 đồng. Số tiền lãi 300.000.000 đồng, H đưa

cho T 288.000.000 đồng (T được hưởng theo quy định của pháp luật - 20%/năm, tương đương 0.0548%/ngày - là 15.782.400 đồng; thu lợi bất chính là 272.218.000 đồng), H hưởng 12.000.000 đồng (hưởng theo quy định của pháp luật là 657.600 đồng, thu lợi bất chính là 11.342.400 đồng).

b) Ngày 28/4/2020, H nhắn tin cho L yêu cầu trả số tiền gốc 5.000.000.000 đồng đã vay, L chưa có tiền trả nên đã nói Trần Kim C (là nhân viên của L) đưa cho H 50.000.000 đồng để trả lãi cho 01 ngày 29/4/2020. Số tiền lãi 50.000.000 đồng, H đưa cho T 48.000.000 đồng (T được hưởng theo quy định của pháp luật là 2.630.400 đồng, thu lợi bất chính 45.369.600 đồng), H hưởng 2.000.000 đồng (theo quy định của pháp luật là 109.600 đồng, thu lợi bất chính 1.890.400 đồng).

Tổng số tiền thu lợi bất chính của khoản vay này là: T 317.587.600 đồng, H 13.232.800 đồng.

2. Khoản vay 1.000.000.000 đồng:

Ngày 28/4/2020, T đưa cho H 800.000.000 đồng, N góp 200.000.000 đồng để H cho L vay 1.000.000.000 đồng (vì lúc cho vay, N đã trừ trước tiền lãi 01 ngày là 2.000.000 đồng nên thực tế N chỉ chuyển khoản cho H số tiền 198.000.000 đồng). Khi cho L vay tiền, H đã trừ trước tiền lãi 02 ngày (từ 28/4 đến 29/4) là 20.000.000 đồng (tính cả 2.000.000 đồng N trừ trước), thực tế L chỉ nhận được số tiền 980.000.000 đồng, H yêu cầu L viết giấy mượn tiền đưa cho H giữ. Cũng trong ngày 28/4/2020, H đã chuyển khoản cho T số tiền 16.000.000 đồng tiền lãi 02 ngày, H đưa cho N thêm 2.000.000 đồng tiền lãi, cộng với 2.000.000 đồng N trừ trước, tổng cộng N nhận lãi 4.000.000 đồng.

Số tiền lãi theo quy định của pháp luật: T hưởng 876.800 đồng, N hưởng 219.200 đồng. Số tiền thu lợi bất chính: T hưởng 15.123.200 đồng. N hưởng 3.780.800 đồng.

3. Khoản vay 6.000.000.000 đồng:

a) Tính đến ngày 29/4/2020, L vay tổng 02 khoản là 6.000.000.000 đồng, trong đó của T là 5.600.000.000 đồng, H 200.000.000 đồng, N 200.000.000 đồng. Ngày 29/4/2020, L đã đưa cho H 360.000.000 đồng (L chuyển qua tài khoản ngân hàng 60.000.000 đồng, còn 300.000.000 đồng L nhờ Trần Kim C đưa cho H) tiền lãi 06 ngày (từ ngày 30/4/2020 đến ngày 05/5/2020).

Số tiền lãi 360.000.000 đồng, H đã đưa cho T 336.000.000 đồng (trong đó chuyển khoản 34.000.000 đồng), đưa cho N 12.000.000 đồng (chuyển khoản), H hưởng 12.000.000 đồng. Số tiền lãi theo quy định của pháp luật: T hưởng 18.412.800 đồng; N và H, mỗi người được hưởng 657.600 đồng. Số tiền thu lợi bất chính: T hưởng 317.587.200 đồng; N và H, mỗi người được hưởng 11.342.400 đồng.

b) Ngày 05/5/2020, L chưa có tiền trả nên đã trả tiếp cho H 240.000.000 (trong đó chuyển khoản 120.000.000) đồng là tiền lãi cho 04 ngày, từ 06/5 đến 09/5. H đã đưa cho T 224.000.000 đồng (chuyển khoản 02 lần vào ngày 05/5 và ngày 06/5), đưa cho N 8.000.000 đồng (chuyển khoản 02 lần vào ngày 06/5 và ngày 07/5), H hưởng số tiền 8.000.000 đồng.

Số tiền lãi theo quy định của pháp luật: T hưởng 12.275.200 đồng; H và N, mỗi người được hưởng 438.400 đồng. Số tiền thu lợi bất chính: T hưởng 211.724.800 đồng; H và N, mỗi người được hưởng 7.561.600 đồng.

c) Ngày 07/5/2020, L chuyển khoản trả cho H 120.000.000 đồng tiền lãi 02 ngày, từ 10/5 đến 11/5. H đưa cho T 112.000.000 đồng (chuyển khoản vào ngày 07/5/2020), H hưởng 4.000.000 đồng, còn 4.000.000 đồng tiền lãi của N thì H chưa chuyển. Số tiền lãi theo quy định của pháp luật: T hưởng 6.137.600 đồng; H hưởng 219.200 đồng. Số tiền thu lợi bất chính: T hưởng 105.862.400 đồng; H hưởng 3.780.800 đồng.

d) Ngày 11/5/2020, L chưa có tiền trả gốc 6.000.000.000 đồng, nên ngày 12/5/2020, L đã đưa tiền lãi của 01 ngày 12/5 cho H là 60.000.000 đồng. H đưa cho T 56.000.000 đồng (*hưởng theo quy định của pháp luật là 3.068.800 đồng, thu lợi bất chính 52.931.200 đồng*), H hưởng 2.000.000 đồng (*hưởng theo quy định của pháp luật là 109.600 đồng, thu lợi bất chính 1.890.400 đồng*). Ngày 12/5/2020, H chuyển khoản cho N số tiền 6.000.000 đồng là tiền lãi của 03 ngày, từ 10/5 đến 12/5 (*N được hưởng theo quy định của pháp luật là 328.800 đồng, thu lợi bất chính 5.671.200 đồng*).

Tổng số tiền thu lợi bất chính của khoản vay này là: T 688.105.600 đồng, H 24.575.200 đồng, N 24.575.200 đồng.

4. Khoản vay 3.000.000.000 đồng:

a) Trong ngày 12/5/2020, L đã trả số tiền gốc 3.000.000.000 đồng cho H, nên số tiền L còn vay là 3.000.000.000 đồng, trong đó T góp 2.600.000.000 đồng, H góp 200.000.000 đồng, N góp 200.000.000 đồng. Cùng ngày 12/5/2020, L đã trả cho H 30.000.000 đồng tiền lãi của 01 ngày 13/5. H đưa cho T 26.000.000 đồng, đưa cho N 2.000.000 đồng (chuyển khoản), H hưởng 2.000.000 đồng. Số tiền lãi theo quy định của pháp luật: T hưởng 1.424.800 đồng; H và N, mỗi người được hưởng 109.600 đồng. Số tiền thu lợi bất chính: T hưởng 24.575.200 đồng; H và N, mỗi người được hưởng 1.890.400 đồng.

b) Ngày 13/5/2020, L chuyển khoản cho H 30.000.000 đồng tiền lãi của 01 ngày 14/5. Số tiền lãi này, H chuyển khoản cho T 26.000.000 đồng, chuyển khoản cho N 2.000.000 đồng, H hưởng 2.000.000 đồng. Số tiền lãi theo quy định của pháp luật: T hưởng 1.424.800 đồng; H và N, mỗi người được hưởng 109.600 đồng. Số

tiền thu lợi bất chính: T hưởng 24.575.200 đồng; H và N, mỗi người được hưởng 1.890.400 đồng.

Ngày 14/5/2020, L tất toán số tiền 3.000.000.000 đồng cho H. Sau đó, ngày 19/5/2020, L mượn lại số tiền 5.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, các giao dịch vay và trả lãi đối với khoản tiền này thực hiện bằng tiền mặt nên không có cơ sở để xác minh số tiền đã vay và tiền lãi đã trả.

Tổng số tiền thu lợi bất chính của khoản vay này là: T 49.150.400 đồng, H 3.780.800 đồng, N 3.780.800 đồng.

5. Khoản vay 7.000.000.000 đồng:

a) Ngày 26/5/2020, L vay của H số tiền 7.000.000.000 đồng trong thời hạn 10 ngày (có viết giấy mượn tiền đưa H giữ). Khi cho vay thì H trừ trước tiền lãi 700.000.000 đồng của 10 ngày, từ ngày 26/5/2020 đến 04/6/2020. Do đó, thực tế L chỉ nhận được số tiền 6.300.000.000 đồng, trong đó, H chuyển khoản cho L 1.150.000.000 đồng, còn lại đưa tiền mặt.

Trong số 7.000.000.000 đồng (trong đó chuyển khoản 500.000.000 đồng cho H, còn lại đưa tiền mặt), T góp 6.300.000.000 đồng, H góp 400.000.000 đồng, Ng góp 300.000.000 đồng (trong đó Ng chuyển khoản 190.000.000 đồng cho H). Trong số 400.000.000 đồng H cho vay thì H có dành ra 100.000.000 đồng. Trong số 300.000.000 đồng Ng cho vay thì Ng có dành ra 100.000.000 đồng. Tổng số tiền 200.000.000 đồng này, theo thỏa thuận giữa H và Ng là để chung nhau cho L vay, tiền lãi được chuyển cho Ng giữ để cùng nhau tiêu xài, đi chơi, đi du lịch cùng nhau.

Trong tổng số 700.000.000 đồng tiền lãi, T hưởng 630.000.000 đồng (theo pháp luật là 34.524.000 đồng, thu lợi bất chính 595.476.000 đồng), Ng hưởng 30.000.000 đồng (theo pháp luật là 1.644.000 đồng, thu lợi bất chính 28.356.000 đồng), H hưởng 40.000.000 đồng (theo pháp luật là 2.192.000 đồng, thu lợi bất chính 37.808.000 đồng).

b) Ngày 05/6/2020, L đã đưa cho H 420.000.000 đồng tiền lãi của 06 ngày, từ 05/6 đến 10/6 (L nhờ Trần Kim C đưa cho H). Trong số tiền lãi này, T hưởng 378.000.000 đồng (theo pháp luật là 20.714.400 đồng, thu lợi bất chính 357.285.600 đồng), H hưởng 24.000.000 đồng (theo pháp luật là 1.315.200 đồng, thu lợi bất chính 22.684.800 đồng), Ng hưởng 18.000.000 đồng (theo pháp luật là 986.400 đồng, thu lợi bất chính 17.013.600 đồng).

c) Ngày 11/6/2020, L nhờ Trần Kim C đưa cho H 70.000.000 đồng tiền lãi 01 ngày 11/6. Trong số tiền lãi này, T hưởng 63.000.000 đồng (H chuyển khoản cho T), H hưởng 4.000.000 đồng, Ng hưởng 3.000.000 đồng.

Số tiền lãi theo quy định của pháp luật: T hưởng 3.452.400 đồng; H hưởng 219.200 và Ng được hưởng 164.400 đồng. Số tiền thu lợi bất chính: T hưởng 59.547.600 đồng; H hưởng 3.780.800 đồng và Ng được hưởng 2.835.600 đồng.

d) Ngày 12/6/2020, L nói Trần Kim C đưa cho H 350.000.000 đồng để trả lãi cho 05 ngày, từ 12/6 đến 16/6. T hưởng 315.000.000 đồng (H chuyển khoản cho T), H hưởng 20.000.000 đồng và Ng hưởng 15.000.000 đồng tiền lãi.

Số tiền lãi theo quy định của pháp luật: T hưởng 17.262.000 đồng; H hưởng 1.096.000 đồng và Ng được hưởng 822.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính: T hưởng 297.738.000 đồng; H hưởng 18.904.000 đồng và Ng được hưởng 14.178.000 đồng.

e) Ngày 16/6/2020, L chuyển khoản cho H 140.000.000 đồng để trả lãi cho 02 ngày 17/6-18/6 (L khai đã chuyển cho H 210.000.000 đồng, trong đó có 140.000.000 đồng là tiền lãi 02 ngày 17/6 và 18/6, 70.000.000 đồng là L chuyển khoản nhằm bị dư). Trong số tiền lãi 140.000.000 đồng, T hưởng 126.000.000 đồng (H chuyển khoản cho T), H hưởng 8.000.000 đồng, Ng hưởng 6.000.000 đồng (H chuyển khoản cho Ng).

Số tiền lãi theo quy định của pháp luật: T hưởng 6.904.800 đồng; H hưởng 438.400 đồng và Ng được hưởng 328.800 đồng. Số tiền thu lợi bất chính: T hưởng 119.095.200 đồng; H hưởng 7.561.600 đồng và Ng được hưởng 5.671.200 đồng.

f) Ngày 18/6/2020, L chuyển khoản cho H 70.000.000 đồng trả lại 01 ngày 19/6. T hưởng lợi 63.000.000 đồng (H chuyển khoản cho T), H hưởng lợi 4.000.000 đồng, Ng hưởng lợi 3.000.000 đồng (H chuyển khoản cho Ng). Số tiền lãi theo quy định của pháp luật: T hưởng 3.542.400 đồng; H hưởng 219.200 đồng và Ng được hưởng 164.400 đồng. Số tiền thu lợi bất chính: T hưởng 59.547.600 đồng; H hưởng 3.780.800 đồng và Ng được hưởng 2.835.600 đồng.

g) Ngày 19/6/2020, L chuyển khoản cho H 280.000.000 đồng trả lãi 04 ngày, từ 20/6 đến 23/6. Trong số tiền lãi này, T hưởng 252.000.000 đồng (H chuyển khoản cho T), H hưởng 16.000.000 đồng, Ng hưởng 12.000.000 đồng (H chuyển khoản cho Ng). Số tiền lãi theo quy định của pháp luật: T hưởng 13.809.600 đồng; H hưởng 876.800 đồng và Ng được hưởng 657.600 đồng. Số tiền thu lợi bất chính: T hưởng 238.190.400 đồng; H hưởng 15.123.200 đồng và Ng được hưởng 11.342.400 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính đối với khoản vay này là: T 1.726.880.400 đồng, H 109.643.200 đồng, Ng 82.232.400 đồng.

6. Khoản vay 1.000.000.000 đồng:

Ngày 19/6/2020, L vay thêm của H 1.000.000.000 đồng. Khi cho vay, H trừ trước 50.000.000 đồng tiền lãi của 05 ngày, từ 19/6 đến 23/6, thực tế L chỉ nhận

950.000.000 đồng (H chuyển khoản cho L). Trong số 1.000.000.000 đồng, T góp 700.000.000 đồng, H góp 200.000.000 đồng, Ng góp 100.000.000 đồng.

Trong số 50.000.000 tiền lãi, T hưởng 35.000.000 đồng (*theo pháp luật là 1.918.000 đồng, thu lợi bất chính 33.082.000 đồng*), H hưởng 10.000.000 đồng (*theo pháp luật là 548.000 đồng, thu lợi bất chính 9.452.000 đồng*), Ng hưởng 5.000.000 đồng (*theo pháp luật là 274.000 đồng, thu lợi bất chính 4.726.000 đồng*).

7. Khoản vay 8.000.000.000 đồng:

Tính đến 19/6/2020, L vay H tổng cộng 8.000.000.000 đồng, trong đó T góp 7.000.000.000 đồng, H góp 600.000.000 đồng, Ng góp 400.000.000 đồng. Trong số tiền H và Ng góp, mỗi người dành ra 100.000.000 đồng để chung nhau, tiền lãi của khoản này sẽ giao cho Ng giữ nhằm mục đích tiêu xài chung và cùng nhau đi du lịch.

a) Ngày 23/6/2020, L chuyển khoản cho H 80.000.000 đồng tiền lãi 01 ngày 24/6. T hưởng 70.000.000 đồng (H chuyển khoản), H hưởng 6.000.000 đồng, Ng hưởng 4.000.000 đồng (H chuyển khoản). Số tiền lãi theo quy định của pháp luật: T hưởng 3.836.000 đồng; H hưởng 328.800 đồng và Ng được hưởng 219.200 đồng. Số tiền thu lợi bất chính: T hưởng 66.164.000 đồng; H hưởng 5.671.200 đồng và Ng được hưởng 3.780.800 đồng.

b) Ngày 24/6/2020, L chuyển khoản cho H 160.000.000 đồng trả lãi 02 ngày, 25/6 và 26/6. Trong số tiền lãi, T hưởng 140.000.000 đồng (H chuyển khoản), H hưởng 12.000.000 đồng, Ng hưởng 8.000.000 đồng (H chuyển khoản). Số tiền lãi theo quy định của pháp luật: T hưởng 7.672.000 đồng; H hưởng 657.600 đồng và Ng được hưởng 438.400 đồng. Số tiền thu lợi bất chính: T hưởng 132.328.000 đồng; H hưởng 11.342.400 đồng và Ng được hưởng 7.561.600 đồng.

c) Ngày 26/6/2020, L chuyển khoản cho H 400.000.000 đồng tiền lãi 05 ngày, từ 27/6 đến 01/7. Trong số tiền lãi này, T được hưởng 350.000.000 đồng (*theo pháp luật là 19.180.000 đồng, thu lợi bất chính 330.820.000 đồng*), H hưởng 30.000.000 đồng (*theo pháp luật là 1.644.000 đồng, thu lợi bất chính 28.356.000 đồng*) và Ng hưởng 20.000.000 đồng (*theo pháp luật là 1.096.000 đồng, thu lợi bất chính 18.904.000 đồng*).

Tổng số tiền thu lợi bất chính đối với khoản vay này là: T 529.312.000 đồng, H 45.369.600 đồng, Ng 30.246.400 đồng.

8. Khoản vay 1.000.000.000 đồng:

Đến hết ngày 01/7/2020, L nói Trần Kim C đem số tiền 3.000.000.000 đồng trả bớt một phần gốc cho H (còn lại 5.000.000.000 đồng gốc), và sau đó vay lại của H 1.000.000.000 đồng. Khi cho vay, H trừ trước số tiền lãi của 06 ngày, từ 01/7

đến 06/7 là 60.000.000 đồng. Trong số 1.000.000.000 đồng cho vay, T góp 833.000.000 đồng, H góp 100.000.000 đồng, Ng góp 67.000.000 đồng.

Đối với số tiền lãi 60.000.000 đồng thì T được hưởng 49.980.000 đồng (*theo pháp luật là 2.738.904 đồng, thu lợi bất chính 47.241.096 đồng*), H hưởng 6.000.000 đồng (*theo pháp luật là 328.800 đồng, thu lợi bất chính 5.671.200 đồng*) và Ng hưởng 4.020.000 triệu đồng (*theo pháp luật là 220.296 đồng, thu lợi bất chính 3.799.704 đồng*).

9. Khoản vay 5.000.000.000 đồng:

Ngày 02/7/2020, L trả cho H 250.000.000 đồng bằng tiền mặt để thanh toán lãi cho khoản vay 5.000.000.000 còn lại trước đó trong 05 ngày, từ 02/7 đến 06/7. Trong 5.000.000.000 đồng này thì T góp 4.167.000.000 đồng, H góp 500.000.000 đồng, Ng góp 333.000.000 đồng.

Đối với số tiền lãi 250.000.000 đồng thì T được hưởng 208.350.000 đồng (*theo pháp luật là 11.417.580 đồng, thu lợi bất chính 196.932.420 đồng*), H hưởng 25.000.000 đồng (*theo pháp luật là 1.370.000 đồng, thu lợi bất chính 23.630.000 đồng*) và Ng hưởng 16.650.000 đồng (*theo pháp luật là 912.420 đồng, thu lợi bất chính 15.737.580 đồng*).

10. Khoản vay 6.000.000.000 đồng:

Tính đến ngày 02/7/2020, L vay của H 6.000.000.000 đồng, trong đó T góp 5.000.000.000 đồng, H góp 600.000.000 đồng, Ng góp 400.000.000 đồng.

a) Đến ngày 06/7/2020, đến hạn trả gốc khoản vay 6.000.000.000 đồng nhưng L chưa có tiền trả nên xin H gia hạn. Ngày 08/7/2020, L đã chuyển khoản cho H số tiền 300.000.000 đồng để trả lãi cho 05 ngày, từ ngày 07/7 đến 11/7. Trong tổng số tiền lãi 300.000.000 đồng, T hưởng 250.000.000 đồng (*theo pháp luật là 13.700.000 đồng, thu lợi bất chính 236.300.000 đồng*), H hưởng 30.000.000 đồng (*theo pháp luật là 1.644.000 đồng, thu lợi bất chính 28.356.000 đồng*) và Ng hưởng 20.000.000 đồng (*theo pháp luật là 1.096.000 đồng, thu lợi bất chính 18.904.000 đồng*).

b) Đến ngày 11/7/2020, đến hạn trả gốc 6.000.000.000 đồng nhưng L chưa có tiền trả nên đã xin H gia hạn và trả cho H 600.000.000 đồng tiền lãi của 10 ngày, từ 12/7 đến 21/7. Tiếp đến, ngày 23/7/2020, L đã nhờ T chuyển vào tài khoản của H số tiền lãi 300.000.000 đồng để trả lãi cho khoản vay này trong 05 ngày, từ ngày 22/7 đến ngày 26/7. Tổng cộng, L đã trả tổng số tiền lãi của 15 ngày, từ 12/7 đến 26/7 là 900.000.000 đồng.

Trong tổng số 900.000.000 đồng tiền lãi thì T hưởng 750.000.000 đồng (*theo pháp luật là 41.100.000 đồng, thu lợi bất chính 708.900.000 đồng*), H hưởng 90.000.000 đồng (*theo pháp luật là 4.932.000 đồng, thu lợi bất chính 85.068.000*

đồng) và Ng hưởng 60.000.000 đồng (*theo pháp luật là 3.288.000 đồng, thu lợi bất chính 56.712.000 đồng*).

Tổng số tiền thu lợi bất chính đối với khoản vay này là: T 945.200.000 đồng, H 113.424.000 đồng, Ng 75.616.000 đồng.

11. Khoản vay 2.500.000.000 đồng:

a) Vào ngày 03/7/2020, L vay của H 2.500.000.000 đồng với thời hạn 10 ngày. H đã chuyển vào tài khoản của Phan Văn Ngọc (nhân viên của L, số tài khoản Techcombank 19135472564017) số tiền 2.250.000.000 đồng, thu trước tiền lãi của 10 ngày, từ 03/7 đến 12/7 là 250.000.000 đồng. Trong số 2.500.000.000 đồng cho vay thì T góp 2.000.000.000 đồng (T chuyển khoản cho H vào ngày 03/7/2020), H góp 500.000.000 đồng.

Đối với số tiền lãi 250.000.000 đồng thì T hưởng 200.000.000 đồng (H chuyển khoản), H hưởng 50.000.000 đồng. Số tiền lãi theo quy định của pháp luật: T hưởng 10.960.000 đồng; H hưởng 2.740.000 đồng. Số tiền thu lợi bất chính: T hưởng 189.040.000 đồng; H hưởng 47.260.000 đồng.

b) Ngày 12/7/2020, đến hạn trả gốc 2.500.000.000 đồng L chưa có tiền trả nên xin gia hạn và đưa cho H 250.000.000 tiền lãi 10 ngày, từ 13/7 đến 22/7. Trong số tiền lãi, H chuyển khoản cho T 20.000.000 đồng vào ngày 13/7 (chuyển gộp chung với tiền lãi của khoản vay 6.000.000.000 đồng thành 170.000.000 đồng) và ngày 17/7 chuyển 40.000.000 đồng, ngày 26/7 chuyển 140.000.000 đồng; T hưởng 200.000.000 đồng (*theo pháp luật là 10.960.000 đồng, thu lợi bất chính 189.040.000 đồng*); H hưởng 50.000.000 đồng (*theo pháp luật là 2.740.000 đồng, thu lợi bất chính 47.260.000 đồng*).

Tổng số tiền thu lợi bất chính của khoản vay này là: T 378.080.000 đồng, H 94.520.000 đồng.

12. Khoản vay 6.550.000.000 đồng:

Ngày 26/7/2020, L nhờ bà Nguyễn Thị Bích Ch giúp L trả cho H số tiền gốc 2.500.000.000 đồng. H và T đã tính toán và thỏa thuận với nhau, trong số 2.500.000.000 đồng mà bà Ch trả giúp L thì trừ 2.000.000.000 đồng vào tiền gốc cho khoản vay 2.500.000.000 đồng vào ngày 03/7/2020, còn 500.000.000 đồng thì trừ vào tiền lãi của L. Vì vậy, đối với khoản vay này, L còn nợ H 500.000.000 đồng tiền gốc. Đối với số tiền 500.000.000 đồng tiền lãi mà H và T tính toán với nhau, đến nay chưa có tài liệu, giấy tờ nào chứng minh về số tiền này của khoản vay nào, lãi trong bao nhiêu ngày. Do đó, chưa có cơ sở để kết luận đối với khoản tiền lãi 500.000.000 đồng này.

Tính đến ngày 27/7/2020, L còn vay của H tổng số tiền 6.550.000.000 đồng, trong đó T góp 5.500.000.000 đồng, H góp 600.000.000 đồng, Ng góp 400.000.000 đồng và 50.000.000 đồng là tiền L nợ H (theo lời khai của H).

- Từ ngày 27/7/2020, do L chưa trả tiền gốc và tiền lãi nên H đã nhắn tin báo cho L số tiền gốc còn nợ tính từ ngày 27/7 đến ngày 07/8 là 6.550.000.000 đồng, tương ứng với số tiền lãi là 780.000.000 đồng (12 ngày). Tổng số tiền L còn nợ H là 7.330.000.000 đồng. Đến ngày 04/8/2020, L nói C đem trả cho H số tiền 65.000.000 đồng, trong đó có 50.000.000 đồng là tiền L mượn của H vào ngày 28/7, và 15.000.000 đồng H trừ vào tiền lãi 12 ngày của khoản 7.330.000.000 đồng. Do đó, L còn nợ H tổng cộng 7.315.000.000 đồng.

Ngày 07/8/2020, L chuyển khoản cho H 100.000.000 đồng tiền lãi của 12 ngày. Cộng với 15.000.000 đồng tiền lãi trước đó, tổng cộng L đã trả cho H 115.000.000 đồng tiền lãi của 12 ngày. H đã chuyển khoản cho Ng 10.000.000 đồng (Ng được hưởng theo quy định của pháp luật là 2.630.400 đồng, thu lợi bất chính 7.369.600 đồng), còn H hưởng 105.000.000 đồng (hưởng theo pháp luật là 3.945.600 đồng, thu lợi bất chính 101.054.400 đồng).

Tổng số tiền thu lợi bất chính của khoản vay này là: H 101.054.400 đồng, Ng 7.369.600 đồng.

Vào ngày 26/8/2020, L bị khởi tố và tạm giam để điều tra trong vụ án Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do đó, L chưa trả số tiền gốc đã vay 6.550.000.000 đồng.

Hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Lê Trọng Ph:

Lê Trọng Ph quen biết với Đào Thị Như L từ năm 2017. Vào ngày 10/02/2020, L vay của Ph số tiền 2.000.000.000 đồng, lãi suất giữa hai bên thỏa thuận là 0.3%/01 ngày, thời hạn vay là 15 ngày, từ ngày 10/02 đến ngày 24/02. Ph đã đến và đưa tiền cho L tại văn phòng công ty của L ở số 77A đường 30/4, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Sau khi nhận tiền, L nói nhân viên của mình là Trần Kim C lập hợp đồng vay tiền gồm 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản, có C ký làm chứng, trên hợp đồng không ghi lãi suất.

Đến hạn trả tiền, L không có tiền để trả gốc 2.000.000.000 đồng nên đã xin trả tiền lãi để gia hạn, mỗi lần gia hạn thì 2 bên đều ký hợp đồng vay tiền mới với thời hạn cho vay là 20 ngày. Khi ký lại các hợp đồng vay tiền mới thì L đều nói nhân viên của mình đưa tiền mặt hoặc chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng Vietinbank của Ph số tài khoản 104004671285 để trả tiền lãi. Các hợp đồng vay tiền được C lập thành 02 bản, khi giao hợp đồng vay tiền mới cho Ph thì C lấy lại bản cũ để đưa lại cho L.

Từ ngày 10/02/2020 đến ngày 27/7/2020, giữa L và Ph đã lập và ký với nhau 09 bản hợp đồng vay tiền, trừ bản hợp đồng đầu tiên vào ngày 10/02/2020 thì 08 bản hợp đồng còn lại đều là để gia hạn khoản vay 2.000.000.000 đồng. Hợp đồng vay tiền cuối cùng hết hạn vào ngày 25/7/2020, hai bên chưa ký lại hợp đồng mới nhưng Ph đã được L thanh toán số tiền lãi 60.000.000 đồng vào ngày 27/7/2020. Đến nay, L chưa trả lại số tiền gốc 2.000.000.000 đồng cho Ph. Quá trình vay mượn và trả lãi giữa Ph và L diễn ra cụ thể như sau:

- Ngày 10/02/2020: Ph cho L vay 2.000.000.000 đồng, thời hạn 15 ngày, từ ngày 10/02 đến ngày 24/02. Lúc đưa tiền gốc, Ph đã trừ trước tiền lãi 90.000.000 đồng. Số tiền lãi mà Ph được hưởng theo quy định của pháp luật là 16.437.000 đồng, thu lợi bất chính 73.563.000 đồng.

- Ngày 24/02/2020: L gia hạn hợp đồng vay với thời hạn 20 ngày, từ ngày 24/02 đến ngày 14/3. L đã trả cho Ph số tiền lãi 120.000.000 đồng. Số tiền lãi mà Ph được hưởng theo quy định của pháp luật là 21.916.000 đồng, thu lợi bất chính 98.084.000 đồng.

- Ngày 14/3/2020, L tiếp tục gia hạn hợp đồng vay tiền thêm 20 ngày, từ ngày 14/3 đến ngày 02/4. L đã trả cho Ph số tiền lãi 120.000.000 đồng. Số tiền lãi mà Ph được hưởng theo quy định của pháp luật là 21.916.000 đồng, thu lợi bất chính 98.084.000 đồng.

- Ngày 02/4/2020, L gia hạn hợp đồng vay tiền thêm 20 ngày, từ ngày 02/4 đến ngày 21/4. Vào ngày 08/4/2020, L nói Trần Kim C chuyển khoản trả cho Ph số tiền lãi 120.000.000 đồng. Số tiền lãi mà Ph được hưởng theo quy định của pháp luật là 21.916.000 đồng, thu lợi bất chính 98.084.000 đồng.

- Ngày 21/4/2020, L gia hạn hợp đồng vay tiền thêm 20 ngày, từ ngày 21/4 đến ngày 10/5. Vào ngày 21/4/2020, L nói bà Võ Thị K – là nhân viên của L) chuyển khoản cho Ph số tiền 120.000.000 đồng lãi. Số tiền lãi mà Ph được hưởng theo quy định của pháp luật là 21.916.000 đồng, thu lợi bất chính 98.084.000 đồng.

- Ngày 10/5/2020, L gia hạn hợp đồng vay tiền thêm 20 ngày, từ ngày 10/5 đến ngày 29/5. Vào ngày 11/5/2020, L nói ông Dương T– là nhân viên của L) chuyển khoản cho Ph số tiền lãi 120.000.000 đồng. Số tiền lãi mà Ph được hưởng theo quy định của pháp luật là 21.916.000 đồng, thu lợi bất chính 98.084.000 đồng.

- Ngày 29/5/2020, L gia hạn hợp đồng vay tiền 20 ngày, từ 29/5 đến 17/6. Cùng ngày, L nói Dương T chuyển khoản cho Ph số tiền lãi 120.000.000 đồng. Số tiền lãi mà Ph được hưởng theo quy định của pháp luật là 21.916.000 đồng, thu lợi bất chính 98.084.000 đồng.

- Ngày 17/6/2020, L tiếp tục gia hạn hợp đồng thêm 20 ngày, từ ngày 17/6 đến ngày 06/7. Cùng ngày, L nói Trần Kim C chuyển khoản cho Ph số tiền lãi

120.000.000 đồng. Số tiền lãi mà Ph được hưởng theo quy định của pháp luật là 21.916.000 đồng, thu lợi bất chính 98.084.000 đồng.

- Ngày 06/7/2020, L gia hạn hợp đồng vay tiền thêm 20 ngày, từ ngày 06/7 đến ngày 25/7. Cùng ngày, L nói Trần Kim C chuyển khoản cho Ph số tiền lãi 120.000.000 đồng. Số tiền lãi mà Ph được hưởng theo quy định của pháp luật là 21.916.000 đồng, thu lợi bất chính 98.084.000 đồng.

- Ngày 27/7/2020, L gia hạn hợp đồng vay tiền thêm 10 ngày nhưng chưa ký lại hợp đồng. Cùng ngày, L nói Trần Kim C chuyển khoản cho Ph số tiền lãi 60.000.000 đồng. Số tiền lãi mà Ph được hưởng theo quy định của pháp luật là 10.958.000 đồng, thu lợi bất chính 49.042.000 đồng.

Tổng số tiền lãi mà Ph nhận của L là 1.110.000.000 đồng, trong đó tổng số tiền thu lợi bất chính của Lê Trọng Ph là: 907.277.000 đồng.

Hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Đào Thị Như L:

Vào tháng 4/2020, do cần tiền tiêu xài nên Dương Thị Ngọc A (Sinh năm 1979, trú tại tổ 09, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng) đã tự ý lấy 05 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại nơi làm việc là Chi nhánh văn phòng Đăng ký đất đai quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng để đưa cho Đào Thị Như L nhờ vay giúp số tiền 1.000.000.000 đồng. A nói cho L biết đây là các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà người dân nộp tại Chi nhánh để khi đến thời hạn giải quyết thì L trả lại các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho A để giải quyết cho người dân, rồi A sẽ đổi cho L các Giấy chứng nhận khác mới tiếp nhận, chưa đến thời hạn giải quyết.

Vào thời điểm này, L đang thế chấp nhiều tài sản để vay tiền ngân hàng và vay tiền với lãi suất cao của nhiều cá nhân ngoài xã hội, nên khi nhận được các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Dương Thị Ngọc A giao cho, L đã sử dụng đưa cho các đối tượng cho vay để làm tin nhằm tiếp tục vay tiền và giãn nợ.

Vào ngày 26/5/2020, L vay được tiền và cho Dương Thị Ngọc A vay lại số tiền 1.000.000.000 đồng, thời hạn 30 ngày với lãi suất 9% (tương đương 0.3%/ngày), trừ trước tiền lãi của 30 ngày là 90.000.000 đồng, nên thực tế A chỉ nhận được 910.000.000 đồng. L nói nhân viên của mình là ông Dương T đem tiền đến cho A tại khu vực gần Ủy ban nhân dân quận Sơn Trà và yêu cầu A viết giấy mượn tiền với nội dung mượn tiền của ông Lê Đ (Sinh năm 1983, trú tại thôn Nông Sơn 1, xã Điện Phước, huyện Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam – là nhân viên của L, bản thân ông Đ không biết việc này). Đến nay, A chưa trả lại tiền gốc cho L.

Số tiền lãi mà L được hưởng theo quy định của pháp luật là 16.440.000 đồng, thu lợi bất chính 73.560.000 đồng.

Tổng số tiền thu lợi bất chính của Đào Thị Như L là 73.560.000 đồng.

Ngày 11/10/2021, Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng đã ban hành kết luận số 51/C09C-Đ2 kết luận đối với các file ghi âm, ghi hình do Trần Kim C (nhân viên của L) cung cấp về các nội dung liên quan đến việc L vay tiền của ông Nguyễn T, bà Nguyễn Thị Bích Ch, bà Nguyễn Thị H và Trần Thị Thu T: Không phát hiện dấu vết cắt, ghép, chỉnh sửa nội dung trong 03 file video và 05 file âm thanh cần giám định.

Về các tài liệu, đồ vật thu giữ trong vụ án gồm: Cơ quan điều tra đã tạm giữ các đồ vật sau:

Thu giữ của Trần Thị Thu T: 01 cuốn sổ tay màu hồng có 01 tờ ghi chép nội dung, 01 cuốn sổ tay màu xanh có 07 tờ ghi chép nội dung, 01 cuốn sổ tay A6 màu xanh nhạt có 77 tờ ghi chép nội dung, 01 cuốn sổ tay màu trắng có 27 tờ ghi chép nội dung, đánh số từ 01 đến 28, 01 bản photo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 268567 do Sở tài nguyên môi trường TP Đà Nẵng cấp ngày 17/5/2018, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu vàng, số máy MN5V2LLIA, số seri FCGSX273HFX, số imei 355372080063104, gắn sim số 0905.598.698, 01 tờ giấy ghi nội dung mượn tiền, đề tên người viết ký tên Nguyễn Thị Hồng L, 01 tờ giấy ghi tiêu đề giấy mượn tiền, người mượn tiền ký, ghi họ tên Nguyễn Anh Kh, 01 hợp đồng đặt cọc ngày 21/12/2019 giữa Nguyễn Anh Kh với Trần Thị Thu T, Nguyễn Trịnh H, 01 thỏa thuận mua bán ngày 23/12/2019 giữa Nguyễn Anh Kh và Trần Thị Thu T, Nguyễn Trịnh H, 01 giấy ủy quyền ngày 23/12/2019 giữa Nguyễn Anh T với Trần Thị Thu T, Nguyễn Trịnh H, 01 hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng đặt cọc giữa Nguyễn Anh Kh và Trần Thị Thu T, Nguyễn Trịnh H, 01 vi bằng đề ngày 14/4/2021 của thừa phát lại Nguyễn Thị T, người tham gia Nguyễn Anh Kh, Trần Thị Thu T, Nguyễn Trịnh H, 01 cuốn sổ có bìa màu xanh, có nội dung ghi chữ viết ở 27 trang, số tiền 850.000.000 đồng.

Thu giữ của Trần Thu H: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 8 Plus màu vàng, số imei 352976098256444, gắn sim số 0905.923.927, 01 điện thoại di động hiệu Iphone X màu trắng, số imei 356718084437448, gắn sim số 0858.227.777, 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM686564 do Sở tài nguyên môi trường TP Đà Nẵng cấp ngày 10/4/2018 đứng tên Trần Thu H, 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số DA107549 do Sở tài nguyên môi trường TP Đà Nẵng cấp ngày 25/12/2020 đứng tên Trần Thu H, 01 giấy mượn tiền đề ngày 09/02/2021, người mượn ký ghi họ tên Thân H Nhất Th (có chữ ký xác nhận, ghi họ tên H), 01 tờ giấy A4, có ghi chữ và số, một mặt in có in dòng chữ "Lời của công chứng viên" (có chữ ký xác nhận, ghi họ tên H), 05 tờ giấy có ghi chữ và số, loại giấy lịch treo tường (có chữ ký xác nhận, ghi họ tên H), 03 quyển sổ tập học sinh có ghi chữ và số (phần nội dung ghi chữ và số có chữ ký xác nhận của H), 01 bản sao giấy mượn tiền đề ngày 26/5/2020, tên người mượn tiền Đào Thị Như L, người cho mượn Trần Thu H, số tiền 462.000.000 đồng.

Thu giữ của Nguyễn Thị Tố Ng: Số tiền 200.000.000 đồng.

Thu giữ của Lê Trọng Ph: 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu vàng đen, 01 hợp đồng vay tiền đề ngày 06/7/2020, bên cho vay Lê Trọng Ph, bên vay Đào Thị Như L, bản gốc gồm 03 tờ.

Thu giữ của Đào Thị Như L: 01 cuốn sổ màu đen bên trong có ghi nội dung "Sổ theo dõi các khoản vay ngoài xã hội quyền 1", gồm 86 tờ, đánh số từ 01 đến 86, 01 cuốn sổ màu đen bên trong có ghi nội dung "Sổ theo dõi các khoản vay ngoài xã hội quyền 2", gồm 88 tờ, đánh số từ 87 đến 174, 01 cuốn sổ màu đen bên trong có ghi nội dung "Sổ theo dõi các khoản vay ngoài xã hội quyền 3", gồm 103 tờ, đánh số từ 175 đến 277, 01 cuốn sổ màu đen bên trong có ghi nội dung "Sổ theo dõi các khoản vay ngoài xã hội quyền số 4", gồm 04 tờ, đánh số từ 278 đến 281, 01 cuốn sổ màu đen bên trong có ghi nội dung "Sổ theo dõi các khoản vay ngoài xã hội quyền số 5", gồm 03 tờ, đánh số từ 282 đến 284, 01 cuốn sổ màu đen bên trong có ghi nội dung "Sổ theo dõi các khoản vay ngoài xã hội quyền số 6", gồm 02 tờ, đánh số từ 285 đến 286, 01 cuốn sổ màu đen bên trong có ghi nội dung "Sổ theo dõi các khoản vay ngoài xã hội quyền số 7", gồm 03 tờ, đánh số từ 287 đến 289, 01 cuốn sổ màu đỏ đậm bên trong có ghi nội dung "Sổ theo dõi các khoản vay ngoài xã hội quyền số 8", gồm 03 tờ, đánh số từ 290 đến 292, 01 cuốn sổ màu đỏ, ngoài bìa có ghi "Chị Hoa cua đỏ", gồm 02 tờ, đánh số từ 293 đến 294, 01 cuốn sổ màu đỏ, ngoài bìa có ghi "Chị Bông", gồm 02 tờ, đánh số từ 295 đến 296, 01 quyển tập, bên trong có ghi nội dung "Sổ theo dõi các khoản vay ngoài xã hội quyền 01", gồm 12 tờ, đánh số từ 297 đến 308, 01 quyển tập, bên trong có ghi nội dung "Sổ theo dõi các khoản vay ngoài xã hội quyền 02", gồm 10 tờ, đánh số từ 309 đến 318, 01 quyển tập, bên trong có ghi nội dung "Sổ theo dõi các khoản vay ngoài xã hội quyền 03", gồm 09 tờ, đánh số từ 319 đến 327, 01 quyển tập, bên trong có ghi nội dung "Sổ theo dõi các khoản vay ngoài xã hội quyền 04", gồm 13 tờ đánh số từ 328 đến 340, 01 quyển tập, bên trong có ghi nội dung "Sổ theo dõi các khoản vay ngoài xã hội quyền 05", gồm 22 tờ, đánh số từ 341 đến 361, 01 sổ cầm tay màu đen, gồm 24 tờ, đánh số từ 362 đến 385, 173 tờ tài liệu, đánh số từ 386 đến 558, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11 Promax, số imei 353914100323745.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2022/HS-ST ngày 23/8/2022 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

1. Tuyên bố: Tuyên bố các bị cáo Trần Thị Thu T, Trần Thu H, Nguyễn Thị Tố Ng, Lê Trọng Ph, Đào Thị Như L phạm tội "*Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự*".

1.1. Căn cứ khoản 2, 3 điều 201; điểm a, g khoản 1 điều 52, điểm s khoản 1, 2 điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Thu T 12 (mười hai) tháng tù. Bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam 04 (bốn) tháng 29 (hai mươi chín) ngày

nên bị cáo còn phải tiếp tục chấp hành 07 (bảy) tháng 01 (một) ngày. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt giam thi hành án. Phạt bổ sung Trần Thị Thu T số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

1.2. Căn cứ khoản 2,3 điều 201; điểm a, g khoản 1 điều 52, điểm s khoản 1, 2 điều 51 của Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Trần Thu H **09** (chín) tháng tù. Bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam 02 (hai) tháng 28 (hai mươi tám) ngày nên bị cáo còn phải tiếp tục chấp hành 6 (sáu) tháng 02 (hai) ngày. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt giam thi hành án. Phạt bổ sung Trần Thu H số tiền 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng.

1.3. Căn cứ khoản 2 điều 201; điểm g khoản 1 điều 52, điểm s khoản 1, 2 điều 51, điều 35 của Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Lê Trọng Ph số tiền 350.000.000 (ba trăm năm mươi triệu) đồng.

1.4. Căn cứ khoản 2 điều 201, điểm g khoản 1 điều 52, điểm s khoản 1, 2 điều 51, điều 35 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Tố Ng số tiền 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng.

1.5. Căn cứ khoản 1 điều 201, điểm s, x khoản 1, 2 điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Đào Thị Như L số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

2. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự.

2.1. Đối với bị cáo Trần Thị Thu T:

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 9.600.000.000 (chín tỷ sáu trăm triệu) đồng, là phương tiện phạm tội.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 285.725.684 đồng là khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội (tiền lãi tương ứng mức lãi suất 20%/năm).

- Buộc bị cáo Trần Thị Thu T phải trả cho Đào Thị Như L số tiền thu lợi bất chính 4.926.694.716 đồng (tương ứng mức lãi suất trên 20%/năm).

.....

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp (đối với các bị cáo còn lại), xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 31/8/2022, bị cáo Trần Thị Thu T có đơn kháng cáo và ngày 05/9/2022 bị cáo Trần Thu H có đơn kháng cáo xin được giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Nguyễn Thị Tố Ng có kháng cáo, sau đó đã rút toàn bộ đơn kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Thị Thu T, Trần Thu H đúng trình tự thủ tục và trong thời hạn kháng cáo nên hợp lệ. Về nội dung: Xét kháng cáo của các bị cáo thì thấy Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2022/HS-ST ngày 23/8/2022 của Tòa án

nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử phạt bị cáo Trần Thị Thu T 12 (mười hai) tháng tù; xử phạt bị cáo Trần Thu H 09 (chín) tháng tù là phù hợp.

- Đối với bị cáo Trần Thị Thu T trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm đã nộp tiền phạt bổ sung 100.000.000 đồng; có anh, chú và dì ruột có công cách mạng là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới cần được xem xét áp dụng cho bị cáo; đối với đề nghị xem xét lại quyết định tịch thu số tiền sử dụng phạm tội của bị cáo thì thấy từ ngày 23/4/2020 đến ngày 26/8/2020 các bị cáo T, H, Ng đã cho bị cáo L vay số tiền cao nhất là 8.000.000.000 đồng (tám tỷ đồng) nên việc Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá số tiền bị cáo T sử dụng phạm tội là 9.600.000.000 đồng (chín tỷ sáu trăm triệu đồng) là không đúng quy định; đồng thời bị cáo L còn giữ của ba bị cáo là 6.500.000.000 đồng (sáu tỷ năm trăm triệu đồng). Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị Thu T giảm nhẹ một phần hình phạt và sửa phần áp dụng biện pháp tư pháp, tịch thu sung ngân sách số tiền bị cáo T sử dụng cho vay là 7.000.000.000 đồng (bảy tỷ đồng).

- Đối với bị cáo Trần Thu H, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo khai báo thành khẩn nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Thị Thu T cho rằng các bị cáo phạm tội đồng phạm giản đơn, không có tổ chức; phạm tội lần đầu và nộp lại số tiền thu lợi bất chính, gia đình có truyền thống cách mạng nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b, i, x khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo T hình phạt cải tạo không giam giữ hoặc mức phạt tù bằng với thời gian bị tạm giam; về biện pháp tư pháp tịch, thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 9.600.000.000 đồng là chưa phù hợp, cần xem xét lại.

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Trần Thị Thu T xác định tiền sử dụng cho vay là 5 tỷ 248 triệu đồng và tiền lãi nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại việc truy thu số tiền cho vay 9.600.000.000 đồng và khấu trừ tiền lãi thu lợi bất chính với số tiền nợ gốc bị cáo Đào Thị Như L còn nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trần Thu H cho Đào Thị Như L vay tiền để lấy lãi với mức lãi suất 1%/ngày, vượt gấp 18.25 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự (0.0548%/ngày). Tiền sử dụng cho vay, tiền lãi do Trần Thu H, Trần Thị Thu T và Trần Thị Ng cùng bàn bạc, thỏa thuận vốn góp, cho vay và chia lãi. Việc thỏa thuận cho vay, vay thêm, trả nợ gốc, rồi cho vay lại, trả lãi diễn ra nhiều lần, từ ngày 23/4/2020 đến ngày 07/8/2020, và lần cho vay nhiều nhất là 8,5 tỷ đồng. Trong đó xác định: Trần Thị Thu T cho vay lần nhiều nhất là 7 tỷ đồng và đã thu lợi bất chính với tổng số tiền 4.926.694.716 đồng; Trần Thu H cho vay nhiều lần nhưng ở cùng thời điểm là 1,1 tỷ đồng và đã thu lợi bất chính tổng số tiền 544.353.200 đồng. Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 71/2022/HS-ST ngày 23/8/2022 của Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đã xét xử các bị cáo về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và có tổ chức là có căn cứ, đúng pháp luật. Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Thị Thu T cho rằng các bị cáo phạm tội đồng phạm giản đơn là không đúng.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo T, H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; đồng thời bị cáo Trần Thị Thu T kiến nghị Hội đồng xét xử xem xét lại phần nhận định tại mục [7.1] của Bản án số 71/2022/HS-ST ngày 23/8/2022 nêu trên và quyết định biện pháp tư pháp tịch, thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 9.600.000.000 đồng là chưa phù hợp, bởi vì bị cáo chỉ có tiền gốc là 5 tỷ 248 triệu đồng, số tiền cho vay ở lần nhiều nhất là 7 tỷ đồng là do bị cáo lấy tiền lãi nhập gốc cho vay lại; bị cáo không có số tiền 9,6 tỷ đồng (tiền gốc) để sử dụng cho vay như nhận định của bản án sơ thẩm; đề nghị xem xét khấu trừ giữa số tiền thu lợi bất chính trả cho bị cáo Đào Thị Như L với số tiền nợ gốc mà L còn nợ bị cáo T.

[3] Về sử dụng tiền cho vay, Hội đồng xét xử nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm xác định Trần Thị Thu T sử dụng số tiền 9.600.000.000 đồng sử dụng cho vay, và bị cáo T cho rằng chỉ có tiền gốc là 5 tỷ 248 triệu đồng sử dụng cho vay đều không phù hợp. Bị cáo sử dụng tiền lãi để nhập gốc, rồi cho vay lại để lấy lãi; sử dụng tiền này quay vòng cho vay nên Hội đồng xét xử xác định số tiền bị cáo T sử dụng cho vay là số tiền cho vay ở lần nhiều nhất (7 tỷ đồng) và điều chỉnh lại nội dung này của bản án sơ thẩm cho phù hợp với thực tế, trong đó tiếp tục truy thu số tiền cho vay của bị cáo là 1,5 tỷ đồng; đối với số tiền 5,5 tỷ đồng nợ gốc bị cáo L chưa trả và số tiền thu lợi bất chính của bị cáo T, Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết đúng pháp luật nên không đề cập và không chấp nhận như đề nghị của bị cáo Trần Thị Thu T.

[4] Về mức hình phạt, sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo có tình tiết mới và đại diện Viện kiểm sát đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T. Luật sư bào chữa cho bị cáo T đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm b, i, x khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo T cải tạo không giam giữ hoặc mức phạt tù

bằng với thời gian bị tạm giam. Hội đồng xét xử nhận thấy các bị cáo phạm tội nhiều lần, nộp lại số tiền thu lợi bất chính nên Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng các tình tiết giảm nhẹ này và quyết định mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp. Tuy nhiên tại giai đoạn phúc thẩm, các bị cáo nộp toàn bộ số tiền phạt bổ sung thể hiện ăn năn hối cải; gia đình bị cáo T có truyền thống cách mạng nên Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt cũng thỏa đáng.

[5] Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Thu H và Trần Thị Thu T, sửa Bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo và một phần quyết định biện pháp tư pháp đối với bị cáo Trần Thị Thu T về việc tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 9 tỷ 600 triệu đồng.

2. Căn cứ vào: khoản 2, 3 Điều 201; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Trần Thị Thu T 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ vào thời gian bị tạm giữ, bắt tạm giam trước đó, từ ngày 22/9/2021 đến ngày 17/02/2022 là 04 (bốn) tháng 29 (hai mươi chín), bị cáo còn phải chấp hành 03 (ba) tháng 01 (một) ngày tù.

3. Căn cứ vào: khoản 2, 3 Điều 201; điểm a, g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Trần Thu H 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, được trừ vào thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam trước đó, từ ngày 06/7/2021 đến ngày 01/10/2021 là 02 (hai) tháng 28 (hai mươi tám) ngày, bị cáo còn phải chấp hành 03 (ba) tháng 02 (hai) ngày tù.

4. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, truy thu của Trần Thị Thu T số tiền 1.500.000.000 (một tỷ, năm trăm triệu) đồng để tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

5. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

6. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Phòng HS-NV, Công an TP. Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân quận Hải Châu;
- VKSND quận Hải Châu;
- CQĐT Công an quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu;
- Vụ GDKT (Vụ I), TANDTC;
- Sở tư pháp TP. Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Anh Tuấn